

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2021

V/v: *Ly hôn giữa*

bà T và ông Kh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Tuấn

2. Bà Trần Thị Nôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2021/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1959 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy Kh, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Đều ở địa chỉ: Số nhà 200, đường L, tổ dân phố N, thị trấn H, huyện H, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà kết hôn với ông Nguyễn Duy Kh do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn H, huyện H, tỉnh T vào tháng 5-1983. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Kh thường xuyên chửi bới, xúc phạm, đánh đập bà, ông Kh có tính gia trưởng luôn tự quyết định mọi công việc trong gia đình, không bàn bạc với bà, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ năm 2003 đến năm 2010, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, bà

đã nhờ chính quyền địa phương giải quyết nhưng ông Kh không thay đổi. Vợ chồng bà mặc dù sống chung một nhà nhưng đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Duy Kh.

Về nuôi con chung: Bà và ông Kh có 02 con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 02-8-1983 và Nguyễn Duy T, sinh ngày 16-01-1986. Hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về chia tài sản: Bà và ông Kh tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai và đơn xin xử vắng mặt ngày 05-10-2021, bị đơn là ông Nguyễn Duy Kh trình bày:

Về hôn nhân: Ông kết hôn với bà Phạm Thị T do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh T vào tháng 5-1983. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được hơn 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không bảo ban được nhau trong cuộc sống, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà T được ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Nguyễn Thị M, sinh năm 1983 và Nguyễn Duy T, sinh năm 1986. Hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về chia tài sản: Ông và bà T tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đã nhận được đơn khởi kiện cùng các tài liệu bà T gửi cho Tòa án, ông không có ý kiến gì; ông xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên hòa giải của Tòa án và phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, bà Tuyết, ông Kh đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Duy Kh ly hôn; về nuôi con chung: Hai con chung của bà T và ông

Kh là Nguyễn Thị M, sinh năm 1983 và Nguyễn Duy T, sinh năm 1986 đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng; về chia tài sản: Bà T, ông Kh tự phân chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Duy Kh. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Ly hôn”. Bị đơn là ông Kh đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Tổ dân phố N, thị trấn H, huyện H, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Kh đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Kh có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Kh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Duy Kh kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh T vào ngày 26-5-1983, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T và ông Kh sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 20 năm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra đánh, cãi, chửi nhau. Từ năm 2014, vợ chồng mâu thuẫn càng thẳng đã sống ly thân từ đó đến nay. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng bà T, ông Kh sống ly thân nhau đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho bà T, ông Kh ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Bà T, ông Kh có 02 con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 02-8-1983 và Nguyễn Duy T, sinh ngày 16-01-1986. Hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

[4] Về chia tài sản: Bà T, ông Kh tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Duy Kh.

2. Về nuôi con chung: Bà T và ông Kh có 02 con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 02-8-1983 và Nguyễn Duy T, sinh ngày 16-01-1986. Hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

3. Về chia tài sản: Bà T, ông Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003401 ngày 01-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà thành tiền án phí ly hôn (bà T đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Kh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh T.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên